

TÌNH HÌNH PHÂN BỐ ĐỒNG HỌ Ở VÙNG VEN BIỂN HUYỆN HẬU LỘC TỈNH THANH HOÁ

PHẠM VĂN TUẤN

I. VÀI NÉT VỀ Ồ VÙNG DÂN CƯ VEN BIỂN HẬU LỘC

Vùng ven biển huyện Hậu Lộc ngày nay gồm 6 xã: Đa Lộc, Ngư Lộc, Hưng Lộc, Minh Lộc, Hải Lộc và Hoà Lộc. Kênh De (1) chảy theo hướng Bắc - Nam nối sông Lèn và sông Lạch Trường, có thể xem là ranh giới để phân biệt vùng này với các xã phía trong. Trong 6 xã nêu trên, Hoà Lộc tuy nằm ở phía trong Kênh De nhưng vẫn được xếp vào diện ven biển do hoạt động kinh tế của dân cư ở đây chủ yếu gồm các nghề gắn liền với biển như 5 xã khác trong vùng.

Hoạt động đánh bắt hải sản gồm: Nghề văng tay, nghề sẻo, nghề rèo, nghề giã gai, nghề giã cá, nghề giã moi, nghề giã tôm, nghề lưới rênh, nghề lưới rút, nghề câu cá dứa. Hoạt động chế biến hải sản có các nghề làm cá khô, nghề làm mắm cá (mắm chua, mắm tôm), nghề làm nước mắm cá, trong đó nghề làm nước mắm cá khá phổ biến, hầu như nhà nào đi biển cũng biết chế biến nước mắm để ăn. Nước mắm Diêm Phố, nước mắm Vạn Vích (Hải Lộc) nổi tiếng ở nhiều nơi trong và ngoài tỉnh. Trong khâu lưu thông, hoạt động chủ yếu là trao đổi và buôn bán nhỏ. Sản phẩm trao đổi chủ yếu là cá, tôm, nước mắm. Đây là công việc của những người phụ nữ trong mạng lưới các chợ quê trong vùng. Nghề làm muối thủ công là nghề cổ truyền của người nông dân ở Y Vích, Nam Khê với hơn 100 ha ruộng muối cạnh cửa sông Lạch Trường. Sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, trồng màu) chiếm vai trò quan trọng ở các làng phía trong thuộc

các xã Minh Lộc, Hưng Lộc, Hoà Lộc, Đa Lộc. Ngoài cói Đa Lộc, muối Hoà Lộc và Hải Lộc, cá tôm Ngư Lộc, vùng này còn là nơi trồng cây hoa màu, đặc biệt là cây lạc cho năng suất cao. Đa Lộc quê hương "Mẹ Tom", là mảnh đất tốt của cói, của những "rừng sa mộc khóm dứa xanh", "Khoai bông Đa Lộc" là loại màu đặc sản trước đây của Hanh Cát, Hanh Cù (2).

Trong hoạt động kinh tế của cư dân 6 xã vùng ven biển Hậu Lộc có thể kể một số nghề chủ yếu như sau: Đánh bắt, chế biến, buôn bán các hải sản, làm muối, làm cói và làm nông nghiệp.

Ngoài những nghề nêu trên trong cơ cấu kinh tế chung của cư dân vùng biển còn có nghề xe gai đan lưới, nghề đóng sửa thuyền gỗ để phục vụ cho khai thác biển. Gần đây còn có nghề dệt thảm, quai thảm đã thu hút một lực lượng lớn lao động phụ nữ trẻ em và những cụ già hết tuổi đi biển.

Nhiều tài liệu cho thấy một số làng xã vùng ven biển Hậu Lộc ngày nay manh nha đã có từ thời Trần. Nhưng phải đến thời Lê, trên cơ sở hội tụ dân cư gắn liền với hoạt động khai hoang lấn biển một cách tự phát của nhiều dòng họ từ nhiều miền quê, dần dần hình thành cơ cấu tổ chức làng xã. Đến thời Nguyễn thì cơ cấu tổ chức làng xã ở đây được tính và trở thành cơ sở cho các cơ cấu hành chính từ đó đến nay. Ngày nay, vùng ven biển của Hậu Lộc là một khu vực cư dân đông đúc được phân chia thành 6 đơn vị hành chính cấp cơ sở. Biểu dưới đây cho thấy một vài thông số cơ bản và về địa lý dân cư và hành chính của các xã trong vùng.

TT	Tên xã	Tổng số làng (thôn)	Tên làng (thôn)	Diện tích (ha)	Dân số (tính đơn vị xã)
1	Đa Lộc	10	Mỹ Điền, Vạn Thắng, Đông Hoà, Đông Thành, Yên Đông, Ninh Phú, Đông Hải, Đông Tây, Yên Lộc, Hùng Thành	1.310,16	7.774 khẩu 1.744 hộ
2	Hung Lộc	11	Phú Lương, Phú Nhi, Phú Vượng, Tân Hưng, Hưng Bắc, Yên Hoà, Yên Thành, Yên Mỹ, Thái Hoà, Đông Hoà, Tây Hoà.	532,54	11.55 khẩu 2.240 hộ
3	Ngư Lộc	7	Bắc Thọ, Thắng Tây, Nam Vượng, Thắng Lộc, Thắng Phúc, Thành Lập, Chiến Thắng.	0,47	16.634 khẩu 2.800 hộ
4	Minh Lộc	9	Minh Hùng, Minh Thịnh, Minh Thắng, Minh Thọ, Minh Hải, Minh Đức, Minh Thành, Minh Phú, Minh Thanh.	475,36	12.074 khẩu 2.400 hộ
5	Hải Lộc	8	Trường Nam, Y Bích, Lộc Tiên, Tân Lộc, Lạch Trường, Đa Phan, Hưng Thái, Thắng Hùng.	347,84	8.424 khẩu 1.635 hộ
6	Hoà Lộc	6	Bái Trung, Xuân Tiến, Tam Hoà, Phú Ngư, (Hoà Phú), Nam Huân, Tam Thắng.	731,52	11.355 khẩu 2.615 hộ

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ DÒNG HỌ

1. Xã Đa Lộc

Thời Lê Cảnh Hưng (1739 - 1769) xã Diêm Phố có 8 giáp: Đông, Đoài, Nam, Bắc, Trung

sau lại đổi thành Vạn Lộc. Tháng 7 năm 1953 chia thành 4 xã mới gồm Đa Lộc, Minh Lộc, Ngư Lộc (Diêm Phố) và Hung Lộc. Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, trên địa bàn xã Đa Lộc có các làng Khang Cù, Hanh Cát, Mỹ Hoa (Mỹ



Đông, Trưng Đoài, Trung Nam và Trung Bắc. Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, xã Diêm Phố đổi thành xã Cao Thắng, năm 1947 là Vạn Thắng

Điền); xóm Hùng Thành (Vạn Chài) được hình thành từ năm 1946. Tư liệu điển dã dân tộc cho biết, làng Khang Cù đã có từ thế kỷ XVII, XVIII. Người đầu tiên đến mảnh đất này là ông Đỗ Trọng Xuân, kế tiếp là các ông Bùi Phúc Mỹ, Nguyễn Trung Toàn, Vũ Phúc Đạo. Họ lấy đánh cá, chài lưới, làm muối, khai hoang vỡ ruộng làm nghề nghiệp chính. Bốn họ ra trước là Đỗ, Bùi, Nguyễn, Vũ được gọi là chính tiến, các họ ra sau gọi là phụ tiến. Đất Khang Cù là nơi tụ cư của hơn 30 dòng họ gồm: 3 dòng họ

Đỗ, 2 dòng họ Bùi, 4 dòng họ Nguyễn, 5 dòng họ Vũ, 5 dòng họ Phạm, 3 dòng họ Trần, 2 dòng họ Tô, 2 dòng họ Đặng và các họ Đào, Hoàng, Kiều, Đinh, Lê, Mai, Trịnh, Lại, Dương.

- *Làng Khang Cù* trước đây thuộc tổng Thạch Giản - huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung. Năm 1916 làng chia đôi, lập thêm thôn Hanh Cát, đổi thành xã Hanh Cù thuộc huyện Hậu Lộc, tổng Sen Cù. Xã Hanh Cù bao gồm 9 xóm: Mỹ Thọ, Đình Trung, Ninh Cát, Trung Cát, Đông Biên, Thịnh Hoà, Gảnh, Gành.

- *Làng Hanh Cát* vốn được tách ra từ làng Khang Cù từ năm 1916, có 18 hộ với 32 suất đinh gồm các dòng họ: Vũ (Vũ Đông, Vũ Vợi), Đỗ (Đỗ Oanh), Đặng (Đặng Trọng) và Phạm (Phạm Vực).

Trước năm 1945, Hanh Cát có 2 xóm: Nam Cường, Đông Khang và sau đó thêm xóm Vạn Chài.

- *Làng Mỹ Hoa* (còn gọi là Mỹ Điền) có gốc từ xã Định Căn (Định Cát) là xã vốn có 3 làng: Mỹ Khúc, Kiến Long, Mỹ Điền. Từ khi lập ấp đến nay làng Mỹ Điền có các dòng họ: 3 dòng họ Vũ, 1 họ Dương, 1 họ Mai, 1 họ Đỗ, 1 họ Phạm, 2 họ Nguyễn, 1 họ Tạ, 1 họ Kiều, 1 họ Đào.

- *Xóm Vạn Chài* (Hùng Thành), được hình thành từ năm 1946, gồm 3 gia đình làm nghề cá là các họ Lê (Lê Mấn), Nguyễn (Nguyễn Thường), Lê (Lê Cậy) ở làng Hanh Cát di cư đến. Làng Vạn Chài đã 3 lần đổi tên: từ Vạn Hùng đổi thành Vạn Thành và nay là Hùng Thành.

Năm 1989, xã Đa Lộc chia thành 10 thôn và lập 10 hợp tác xã gồm: Hùng Thành, Yên Lộc, Yên Đông, Đông Hoà, Đông Tân, Đông Hải, Ninh Phú, Mỹ Điền, Vạn Thắng, Đông Thành. Cơ cấu tổ chức này tồn tại cho đến nay.

2. Xã Ngư Lộc

Năm 1976, toàn xã được chia thành 14 xóm. Năm 1988, xã Ngư Lộc hình thành 7 thôn (dựa

theo địa dư hợp tác xã). Hiện tại, Ngư Lộc có các thôn Bắc Thọ, Thắng Tây, Nam Vương, Thắng Lợi, Thắng Phúc, Thành Lập, Chiến Thắng.

Theo gia phả họ Trần, họ Bùi còn lưu giữ tại địa phương; mảnh đất Diêm Phố được khai khẩn từ thời Trần (thế kỷ XII) (3). Phần đông dân cư là người từ các tỉnh miền ngoài vào, miền trong ra như Hà Đông, Thái Bình, Nam Hà, Nghệ An và một số ít dân từ các huyện trong tỉnh như Hậu Lộc, Tĩnh Gia, Quảng Xương.

Nhờ có vị trí địa lý thuận lợi, Diêm Phố sớm trở thành một xã trù phú về nghề cá. Đến cuối thế kỷ XIX, Ngư Lộc đã là một địa phương có 23 họ và 78 dòng họ cư trú xen kẽ tại các thôn. Họ Bùi quê gốc ở tỉnh Hà Đông vào từ thế kỷ XII, họ Trần từ Thái Bình đến từ thế kỷ XIV, họ Hoàng từ Nghệ An đến từ thế kỷ XV, họ Nguyễn từ Nghệ An đến từ thế kỷ XVI, họ Đặng đến từ Nam Định thế kỷ XVII, họ Vũ từ Nghệ An đến từ thế kỷ XIX, họ Lê từ Hoàng Hải (Hoàng Hoá), đến từ thế kỷ XIX, họ Đoàn từ Hải Lộc (Hải Hậu) đến từ thế kỷ XIX, họ Hàn từ Nghệ An ra, thế kỷ XIX, họ Đỗ từ Hoàng Hoá, họ Đào đến từ Nga Sơn. Một số dòng họ khác không rõ xuất xứ như họ Phạm, họ Đồng, họ Tô, họ Triệu, họ Đinh, họ Ngô, họ Hà, họ Tống, họ Chu. Có những họ lớn tách ra nhiều chi phái như họ Trần tách thành 2 chi là Trần Đình và Trần Văn; họ Nguyễn tách thành Nguyễn Lộc, Nguyễn Kỳ, Nguyễn Văn, Nguyễn Thắng v.v... Có những họ nhỏ như họ Lê, họ Ngô chỉ 7 - 8 hộ trên tổng số 2848 hộ của xã.

3. Xã Minh Lộc

Xã Minh Lộc, trước thuộc trang An Giáo (Yên Giáo) được thành lập từ đầu thời Lê. Sự tích thành hoàng làng Yên Giáo cho biết: Ông Nguyễn Huy Thành người họ Nguyễn gốc Nghệ An làm Tổng trấn lộ Thanh Hoa, khi đi tuần tra miền ven biển Thuận Lộc thấy bãi đất sa bồi liền chiêu tập 100 người (trong đó có 9 dòng họ). Ông cấp cho họ tiền gạo để khẩn hoang lập ấp; từ đó

hình thành nên trang An Giáo. Tên gọi trang An Giáo có từ thời Lê, được duy trì qua thời Nguyễn cho đến trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.(4)

Thời Nguyễn Gia Long (1802 - 1820), do sự phân chia lại các tổng, các làng xã trong huyện, bãi An Thiện, trang An Giáo cũng được chia thành nhiều xã như: An Lương, Y Bích thuộc tổng Xuân Trường; Yên Giáo, Phú Lương, Đa Phạn, Lộc Lớn (tức xã Khúc Phấn) thuộc tổng Liên Cừ. Đến đời vua Khải Định, do sự tranh chấp đất đai của các chức sắc trong xã nên xã Yên Giáo được chia thành 2 xã là Yên Giáo (gồm 5 làng: Yên Lãn, Phú Nhi, Yên Phú, Lưu Trung sau thêm làng Cầu Yên) và xã Yên Nhân (gồm 4 làng: Lưu Đông, Trung Hoà, Làng Đông, Tây Thọ). Sau Cách mạng Tháng 8-1945, đơn vị hành chính mới được thành lập ở xã Tiến Thịnh (gồm 2 xã Yên Giáo và Yên Nhân). Tháng 6 năm 1947, xã Tiến Thịnh được sáp nhập vào xã Vạn Lộc. Tháng 7 năm 1953, xã Vạn Lộc được chia thành 4 xã (Minh Lộc, Hưng Lộc, Ngư Lộc, Đa Lộc). Hiện nay xã Minh Lộc gồm 9 thôn: Minh Hùng, Minh Phú, Minh Thành, Minh Thanh, Minh Đức, Minh Hải, Minh Thọ, Minh Thịnh, Minh Thắng.

Tại xã Minh Lộc có trên 60 dòng họ, trong đó có 39 dòng họ lớn được phân bố ở các thôn như sau:

- *Thôn Minh Phú* có 5 dòng họ lớn là họ Vũ, 2 họ Phạm, 2 họ Nguyễn, trong đó họ Vũ Huy lớn nhất, chiếm 1/4 dân số của thôn với hơn 600 nhân khẩu; họ Phạm là họ lớn thứ hai; họ Nguyễn Hùng-thứ ba.

- *Thôn Minh Thành* gồm các họ Đinh, Phạm, Vũ, Lê, Trịnh. Các cụ tổ của 5 dòng họ trên là những người đầu tiên khai phá mở mang khu đồng Minh Thành và Đồng De.

Họ Đinh có Đinh Công Tráng, họ Phạm có Phạm Bành (xã Hoà Lộc) là những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

- *Thôn Minh Thịnh* có 7 dòng họ là họ Vũ, họ Hoà, 2 họ Nguyễn, 2 họ Trịnh, trong đó họ Nguyễn Đình là một trong những dòng họ đã sinh cơ lập nghiệp trên đất An Giáo khá lâu. Thủy tổ dòng họ Nguyễn Đình là Nguyễn Xí, một tướng tài của Lê Lợi quê ở Đông Thành, Nghệ An. Nhà thờ họ Nguyễn Đình còn câu đối:

Lê Kỳ Lam Sơn khai quốc công thần văn hiến địa

Nguyễn Tri xú sở cổ dân hợp tộc lập An Thôn

- *Thôn Minh Hùng* có 4 dòng họ lớn: họ Mai, họ Trịnh, 2 họ Lê, trong đó họ Mai là một dòng họ lớn chiếm 1/3 dân số của thôn; họ Lê Phúc là họ lớn thứ 2 do ông Lê Phúc Hiền ở Nam Hà vào An Giáo lập ra làng Hụ đến nay là 13 đời. Họ Lê Hữu đến nay là đời thứ 6, có ông Lê Hữu Tiệm được phong sắc *Hiệp quân chính lĩnh binh tiến vệ*. Ông đã cấp tiền cho làng Hụ xây lại ngôi thờ thành hoàng làng.

- *Thôn Minh Hải* có 6 dòng họ gồm 3 họ Nguyễn, họ Mai, họ Đỗ, họ Hoàng. Họ Nguyễn là họ lớn nhất được phân bố ở cả 3 thôn trong xã là Minh Hải, Minh Thọ và Minh Đức. Dòng họ này có cụ Nguyễn Phúc Thông (đời thứ 7) cầm quân đi dẹp giặc ở vùng Đông Bắc, có sắc phong "Kiệt tướng quân" với bức đại tự ở nhà thờ họ: "Vinh Quốc Sùng".

- *Làng Minh Thành*: có 5 dòng họ: 2 họ Hoàng và 3 họ Vũ.

Dòng họ Hoàng có cụ tổ là gia nhân thân cận và là tủy tướng của thành hoàng làng Yên Giáo: Nguyễn Huy Thành. Ông là người đã lập ra ấp Trung Hoà (tức Minh Thành ngày nay). Dân gian còn lưu lại câu thơ sau:

Trí dũng tổ tiên, khắc cháu con

Trung Hoà lập ấp khởi tiến thân

Trường Sơn thiên định trong hùng cứ

Đảo Nẹ vững khuôn chặn sóng thần

Các cụ già làng còn cho biết, từ đời thứ 6 về sau, họ Hoàng ở đây có 5 người đã từng giữ chức "Tổng Giám binh ở Hà Thành" (Hà Nội).

- *Làng Minh Thọ* có 5 họ: Tạ, Nguyễn, Trần, Vũ, Trương. Họ Tạ là dòng họ lớn đã phát triển thành 3 chi họ khác ở Phú Lộc, Hà Trung và thành phố Thanh Hoá. Thành hoàng ở làng Điện Yên, xã Phú Lộc là Tạ Thái Nguyên thuộc dòng họ Tạ. Còn họ Trần là một trong những dòng họ lâu đời của đất An Giáo xưa.

- *Làng Minh Đức* có 5 họ là: Nguyễn, Ngô, Lê, Mai, Vũ. Dòng họ Mai có cụ Mai Phúc Tín tự Văn Thản được vua Lê Cảnh Hưng phong sắc "Đại tướng quân" (ngày 22 tháng 2 năm 1784).

- *Làng Minh Thắng* có 165 hộ, 913 người với 10 dòng họ từ xã Ngự Lộc chuyển đến là Bùi, Trần, Nguyễn, Hoàng, Phạm, Đông, Vũ, Lê, Đặng, Mai.

- *Làng Cầu* ở bên cạnh cầu De. Làng có tên là Cầu Yên, Vạn Cầu, Minh Hoà. Làng có nhiều dòng họ như: Hoàng, Vũ, Đỗ, Lê, Mai, Trần đều thuộc các dòng họ ở trong An Giáo xưa.

Khi Kênh De được khơi dòng, thuyền bè buôn bán thường qua lại, lúc đó có 4,5 gia đình của họ Hoàng làng Trung Hoà, họ Vũ làng Hanh Cù, làng Lưu Động trong đó có gia đình các cụ Hoàng Chấn, Vũ Đình di cư về đây ở ven đê cạnh cầu làm nghề thợ mộc. Đến khoảng năm 1885, có thêm một số hộ của các dòng họ Đỗ, Lê, Mai đến sinh cơ lập nghiệp... Các dòng họ hợp lại thành lập làng lấy tên là Cầu Yên, dựng Nghè xin chân hương ở là Trung Hoà về thờ thần "Lê Phúc thượng đẳng thần".

4. Xã Hưng Lộc

Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, xã Hưng Lộc gồm có các làng: Phú Lương, Yên Hoà (Yên Lành), Kiến Long, Yên Mỹ, Yên Thịnh, Phú Nhi. Hiện nay, Hưng Lộc có 11 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà, Thái Hoà, Yên Mỹ, Yên Thịnh, Yên Hoà, Phú Nhi, Phú Lương, Phú

Vượng, Tân Hưng, Hưng Bắc. Trong các làng cổ nêu trên thì làng Kiến Long cũ được chia thành 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà và Thái Hoà, dân cư làm nghề đánh cá và thủ công nghiệp. Các thôn Tân Hưng, Hưng Bắc, Phú Vượng mới được thành lập là do dân cư từ xã Ngự Lộc chuyển đến.

Sự phân bố của dòng họ ở các làng như sau:

- *Làng Phú Lương*: lúc đầu gọi là ấp An Thiện (thuộc trang An Giáo), sau gọi là trang Phú Lương, sau Cách mạng gọi là làng Phú Lương, có 8 dòng họ gồm: Tăng, Đoàn, Nguyễn, Phạm, Phan và dòng họ Nguyễn. Theo trí nhớ của các bậc cao niên thì ban đầu làng chỉ có 3 họ là Tăng, Đoàn, Nguyễn. Sau này, có một chi họ Tăng từ nơi khác đến nên có sự phân biệt giữa Tăng Trong và Tăng Ngoài. Tăng Trong là họ cũ ở trong làng (lúc đầu có 12 gia đình), họ Tăng Ngoài là họ ở ngoài làng di cư đến sau. Họ Đoàn từ Nghệ An di cư đến; họ Tăng, họ Phan từ Hải Dương vào; họ Phạm, họ Nguyễn có mặt ở Phú Lương đến nay là 7 đời, trong đó họ Nguyễn chia làm 3 chi.

- *Làng Yên Hoà*: trước có tên gọi là An Lang. Thời Lê đổi thành An Lương đến cuối Lê đầu Nguyễn đổi thành Yên Lương. Từ năm 1954 đến nay đổi thành làng Yên Hoà. Trước khi lập làng, đã có những dòng họ đến trước như: Phạm, Đinh, Đào, Trương, Vũ... Riêng 2 dòng họ Trần Hữu và Trần Tung mới đến sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945. Trong quá trình khai hoang lập ấp, đến nay Yên Hoà đã là nơi cư trú của 10 họ, đó là:

Họ Phạm, đến nay đã có 13 đời với 4 chi

Họ Đinh: 11 đời, 5 chi

Họ Đào: 12 đời, 5 chi

Họ Trương: 11 đời, 2 chi

Họ Nguyễn: 11 đời, 3 chi

Họ Vũ: 10 đời, 4 chi

Họ Đỗ: 8 đời, 2 chi

Họ Đậu: 7 đời, 1 chi

Họ Trần Hữu: 4 đời, 1 chi

Họ Trần Tung : 3 đời, 1 chi.

Các dòng họ này cư trú trên các doi cát, dụn cát. Tính từ phía đông sang tây, họ Phạm cư trú ở doi cát xóm Ngoài, họ Đào, họ Trương ở doi cát xóm Giữa ; họ Đinh, họ Nguyễn ở doi cát phía xóm Trong; họ Nguyễn, họ Vũ, họ Đậu ở cồn cát phía Bắc, họ Trần ở cài răng lược giữa các xóm trên. 5 họ đã có từ đường là Phạm, Đinh, Đào, Trương, Vũ.

- *Thôn Yên Mỹ*: Lúc mới thành lập có tên là Khúc Phấn. Thời Nguyễn gọi là Mỹ Khúc nằm trong xã Địch Cẩn. Xã Địch Cẩn gồm có 3 thôn là Mỹ Khúc, Kiến Long, Mỹ Điền thuộc tổng Sen Cừ.

Vào cuối thời Lê đầu thời Nguyễn, Yên Mỹ có 6 họ đến sinh cơ lập nghiệp gồm : Phạm, Nguyễn, Hà, Vũ và 2 họ Trần, được phân bố trên 7 khu đất: Trại Phụng, Trại Quyển, Cồn Biêng, Cồn Sùng, Tổ Ác, Đông Đập, Cổ Bánh. Đến nay, Yên Mỹ đã là nơi cư trú của 14 dòng họ. Đặc điểm của các dòng họ như sau:

Họ Phạm, ông tổ là Phạm Cuông, có 3 chi.

Họ Nguyễn, ông tổ là Nguyễn Quý Công (Tiền Vương Phò Mã Tả Đô Đốc Vệ Sự Tham Tán, Đặc Phái Hậu, Nguyễn Tướng Công) có 4 chi.

Họ Trần, ông tổ là Trần Khởi Tổ, 3 chi

Họ Trần, ông tổ là Trần Văn Điểm, 1 chi

Họ Hà, ông tổ là Hà Đặng Khánh, 3 chi

Họ Vũ, ông tổ là Vũ Văn Ngồi, 1 chi

Họ Tạ, ông tổ là Tạ Sáo, 1 chi

Họ Ngô, ông tổ là Ngô Hảo, 1 chi

4 họ Nguyễn: ông tổ Nguyễn Vương (1 chi), ông tổ Nguyễn Văn Cảnh (1 chi), ông tổ Nguyễn Văn Tông (1 chi), ông tổ Nguyễn Phúc Huệ (1 chi)

Họ Lê, ông tổ là Lê Văn Bến, 1 chi

Họ Lê, ông tổ là Lê Văn Tống, 1 chi

Các dòng họ trên cư trú theo xóm (có 4 xóm): xóm Ngoài - nơi cư trú của họ Phạm; xóm Trong - họ Đinh, Nguyễn, Đỗ; xóm Trên - họ Vũ; xóm Giữa - họ Trương, họ Đào.

Yên Mỹ là một làng thuần nông, quan hệ kinh tế ở đó chủ yếu là quan hệ giữa các gia đình tiểu nông với nhau.

- *Làng Yên Thịnh*: Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945 gọi là Yên Lãnh, sau Cách mạng gọi là Tân Tiến và từ năm 1954 gọi là xã Yên Thịnh.

Yên Thịnh là nơi cư trú của 15 dòng họ gồm: họ Đinh, Hoàng Phan, Nguyễn, Trương, Lưu, Mai (Mai Văn, Mai Thế, Mai Huy), Vũ (Vũ Văn, Vũ Huy), Trần, Phạm. Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945 Yên Lãnh (tức Yên Thịnh ngày nay) chỉ có 32 hộ. Hiện nay làng có 115 hộ, 427 nhân khẩu. Dân ở đây trồng lúa, trồng các loại cây hoa màu và chăn nuôi gà, lợn, ngan...

- *Làng Phú Nhi*: Làng Phú Nhi ra đời từ thời vua Lê Thánh Tông khoảng năm 1470. Tấm bia đá ở đền thờ Lê Huy Phúc thuộc làng Phú Nhi đã mờ chữ, chỉ còn lại dòng Lạc Khoản ghi "*Thịnh Đức nguyên niên trọng xuân chính nguyệt cốc nhật...*". Có lẽ đây là niên hiệu dựng đền thờ dưới thời vua Lê Thần Tông niên hiệu Thịnh Đức (1649 - 1650) (5). Thời kỳ này, Phú Nhi đã là một làng tương đối ổn định, công việc dựng đền thờ, đặt hậu đã trở nên quan trọng. Mặt khác, thành hoàng Lê Huy Phúc là người đã có công chiêu dân gồm 9 dòng họ lập ấp ở Đông Kênh De, được ghi trong thần tích của làng.

Hiện nay, Phú Nhi có 10 họ gồm: Lê, Đinh, Phan, Hoàng, 3 họ Mai, 2 họ Vũ, 2 họ Nguyễn. Theo trí nhớ của các cụ già thì họ Vũ, họ Nguyễn, họ Lê có quê gốc Nghệ An đến Phú Nhi từ thời Lê.

- *Làng Kiến Long*, thời Lê Trung Hưng gọi là Khu Định Trung, xã Địch Cẩn, huyện Thuận Lộc, phủ Hà Trung, trấn Thanh Hoa. Thời

Nguyễn gọi là thôn Hương Trung, xã Định Cẩn. Từ năm 1954 đến nay đổi là Kiến Long thuộc xã Hưng Lộc. Hiện nay, Kiến Long được chia làm 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà và Thái Hoà.

Kiến Long là một làng cổ từ thời Lê Sơ. Theo thần tích ở làng Kiến Long cho biết, vào năm Quang Thiệu (1511 - 1521), khu Định Trung, xã Định Cẩn, huyện Thuận Lộc (tức làng Kiến Long) đã là một làng xã ổn định về hành chính. Hiện nay, Kiến Long là một làng đông dân nhất của xã Hưng Lộc, vì thế mà phải tách thành 3 thôn: Tây Hoà, Đông Hoà, Thái Hoà. Làng chiếm 1/3 dân số toàn xã với 21 họ và dòng họ gồm: Lê, 8 dòng họ Nguyễn, 2 dòng họ Trần, Dương, Phạm, Trịnh, Hà, Đồng, Trương. Tư liệu hồi cố cho biết, trong các dòng họ trên thì dòng họ Nguyễn có quê gốc từ Nghệ An, còn các dòng họ khác như Lê, Trần, Dương, Phạm, Trịnh, Hà, Đồng, Trương có quê gốc từ huyện Quảng Xương - một huyện ở phía Nam tỉnh.

5. Xã Hải Lộc

Hải Lộc là một xã nằm sát cửa biển Lạch Trường, nơi giáp ranh của 2 huyện Hoàng Hoá và Hậu Lộc. Theo sách *Lịch sử Thanh Hoá* thì thời Thuộc Hán (111 TCN) trên đất Cửu Chân hình thành một trung tâm buôn bán có tính chất thương cảng, đó là cửa Lạch Trường. Tên "Kê Trường" cũng đã có từ thời kỳ này (6). Điều đó cho thấy từ đầu Công nguyên cửa Lạch Trường đã là một tụ điểm dân cư.

Cũng sách trên cho biết: sau chiến thắng quân Nguyên vua Trần Nhân Tông cho họ Trần từ Hải Dương vào khai phá vùng Hà Lộ (Hoàng Yên, Hoàng Hoá); họ Bùi, họ Trần ở Thái Bình vào vùng Diêm Phố, Lạch Trường để khai hoang lập làng mới và mở mang nghề nghiệp. Họ Bùi, họ Trần lập xóm riêng có tên là Tiên Xá (nhà đầu tiên), làm nghề đánh cá và làm nước mắm.

Đầu thế kỷ XV, dưới triều Lê, ông Nguyễn Huy Thành có công dẹp giặc Chiêm Thành, được nhà vua cho về vùng ven biển khai hoang lập

nên Trang An Giáo, làng Lộc Duyên. Như vậy, từ đây Hải Lộc đã có 3 làng: Y Bích, Lộc Duyên, Tiên Xá. Văn bia ở chùa Vích dựng tháng 10 năm Kỷ Ty (1689) niên hiệu Chính Hoà còn ghi "Tam xã hưng công bi" đóng góp tiền của vào việc dựng chùa Vích, tức là 3 xã Y Bích, Lộc Duyên và Tiên Xá.

Hiện nay, Hải Lộc có 8 thôn: Y Vích, Lộc Tiên, Trường Nam (Trà Linh hoặc Nam Khê), Tân Lộc, Lạch Trường, Đa Phạn, Hưng Thái và Thắng Hùng. Trong đó thôn Tân Lộc mới được thành lập năm 1993, thôn Thắng Hùng được thành lập năm 1994 trên cơ sở của hợp tác xã đánh cá Thắng Hùng được hình thành từ năm 1976, dân cư chủ yếu là từ xã Ngự Lộc chuyển vào. Thôn Lạch Trường cũng là một thôn được thành lập năm 1994, trên cơ sở hợp tác xã đánh cá Lạch Trường được thành lập từ năm 1976. Dân cư chủ yếu từ Ngự Lộc chuyển vào.

Sự phân bố các dòng họ ở Hải Lộc:

- *Làng Lộc Tiên* có 18 họ: Nguyễn, Mai, Tô, Đinh, Lê, Phan, Phạm, Trịnh, Đoàn, Vũ, Trương, Đặng, Đỗ, Dương, Bùi, Đồng, Hồ, Hà; trong đó các họ Bùi, Trần, Mai là những họ có mặt đầu tiên.

- *Làng Hưng Thái*: cuối thế kỷ XVIII có một số gia đình họ Trần, họ Mai (khoảng 13 hộ, 60 người) từ làng Lộc Tiên lên vùng đất An Giáo dựng nhà, khai hoang làm ruộng. Thời vua Minh Mạng năm thứ 9 (1828) có lệnh trục hồi về nguyên quán, các gia đình đã kéo về ở cồn Gai (họ Trần ở phía Đông, họ Mai - phía Tây, thuộc thôn Lộc Tiên) lập nên 1 xóm gọi là xóm Mới do lý trưởng làng Lộc Tiên quản lý. Về sau có thêm họ Tô từ Lộc Tiên đến, họ Bùi, họ Đồng từ Diêm Phố về, dân số đông lên khoảng 100 người. Năm Canh Dần 1890 đặt tên là xóm Hưng Thái. Năm 1945 có thêm một số gia đình ở xóm Vạn Tân thuộc xã Vạn Lộc và một số gia đình ở Lộc Tiên đến tiếp nên dân số càng tăng. Làng lấy tên là Hưng Thái, thuộc xã Đình Công, sau này là một làng của xã Trường Xuân. Làng Hưng Thái có

8 họ: Bùi, Trần, Nguyễn, Tô, Đông, Mai, Phạm, Lê.

- *Làng Trường Nam*: xưa là một xóm, có tên là Trà Linh gồm một số gia đình ở rải rác trên các cồn như Cồn Giếng, Cồn Ổi, Cồn Nghè, Cồn Đò... cạnh cửa Kênh De; làm nghề đàng đó bắt tôm và làm muối. Về sau dân cư từ Thái Bình vào, Y Bích - Lộc Tiên chuyển cư lên ở các cồn cao. Địa thế xung quanh có khe nước chảy, nên làng lại có tên là Nam Khê (khe phía Nam). Hiện nay, Trường Nam là nơi cư trú của 6 họ: Nguyễn, Đỗ, Phạm, Bùi, Ngô, Lê.

- *Thôn Thắng Hùng*: có 12 họ từ Ngự Lộc chuyển cư đến gồm các họ: Đặng, Nguyễn, Hoàng, Hà, Bùi, Tô, Tạng, Phạm, Vũ, Ngô, Mai, Hoà.

- *Thôn Lạch Trường* có 11 họ từ Ngự Lộc chuyển đến gồm các họ: Hoàng, Nguyễn, Đinh, Bùi, Trần, Tống, Phạm, Đông, Đỗ, Tô, Lương.

- *Thôn Tân Lộc* có 10 họ: Dương, Mai, Nguyễn, Đỗ, Lê, Trần, Đinh, Vũ, Trịnh, Bùi.

- *Làng Đa Phạn* có 9 họ: Trịnh, Phạm, Hoàng, Nguyễn, Mai, Trần, Trương, Bùi, Đông. Bà con chủ yếu theo đạo Thiên Chúa. Lúc đầu có một số dòng họ từ xã Khúc Phấn chuyển cư đến ở Đám Bún cạnh bờ sông Kênh De, gần cống Đa Phạn từ thời Lê Trung Hưng. Cuối thế kỷ XIX, do có sự biến động của cuộc khởi nghĩa Ba Đình, dân làng bỏ đám Bún lưu lạc khắp nơi. Đầu thế kỷ XX mới dần dần tụ tập trở về ở vùng đất cát bồi ven biển phía Bắc bãi tha ma làng Lộc Tiên. Lúc đầu là các gia đình họ Trịnh, Hoàng, Phạm tới ở, với khoảng 30 hộ. Về sau, có các họ Nguyễn từ Lộc Tiên đến, họ Trương từ Nam Huân về, họ Mai từ Hưng Thái xuống, họ Đông từ Ngự Lộc vào, cũng có họ từ Ninh Bình, Nga Sơn, Yên Nhân (Hưng Lộc) chuyển đến. Hiện nay Đa Phạn có 209 hộ với 1.200 nhân khẩu. Đây là làng theo đạo Thiên Chúa toàn tông.

- *Làng Y Bích* có 16 họ: Nguyễn, Lê, Dương, Hồ, Cao, Phạm, Đoàn, Hoàng, Đỗ, Hà, Trịnh, Mai, Trần, Vũ, Đinh, Bùi.

Nhìn chung toàn xã Hải Lộc, họ Nguyễn có 46 dòng, Phạm - 14 dòng, Bùi - 11 dòng, Đỗ - 10 dòng, Trần - 10 dòng, Lê - 8 dòng, Mai - 8 dòng, Hoàng - 6 dòng, Dương - 6 dòng, Tô - 5 dòng, Vũ - 8 dòng, Trịnh - 5 dòng, Trương - 4 dòng, Đông - 6 dòng, Đặng - 3 dòng, Hà - 3 dòng, Ngô - 2 dòng, Đoàn - 2 dòng, Hồ - 2 dòng họ.

Các họ chỉ có một dòng là họ Phan, Lương, Tạng, Cao, Tống, Hoà.

6. Xã Hoà Lộc

Tài liệu khảo cổ học cho biết ở xã Hoà Lộc ngày nay đã từng xuất hiện cái làng đầu tiên thuộc nền văn hoá Hoa Lộc, cách ngày nay trên dưới 4000 năm. Đó là địa điểm Bái Cù thuộc làng Bái Trung. Hiện vật tìm được là 76 chì lưới của cư dân Bái Cù dùng trong việc đánh cá biển. Ngôi làng ấy đã góp phần làm nên diện mạo nền văn hoá Đông Sơn ở lưu vực sông Mã. Yếu tố văn hoá biển của văn hoá Hoa Lộc góp phần làm nên sức sống truyền thống của văn hoá Đông Sơn. Chính nó cũng đã góp phần vào sự hình thành những làng cổ đầu tiên, đóng góp vào sự hình thành nền văn minh Đông Sơn và sau này là bộ Cửu Chân thời các vua Hùng ở lưu vực Sông Mã.

Hiện nay, Hoà Lộc có 6 làng: Bái Trung, Xuân Tiến (trước đây là 3 làng Yên Hậu, Trường Thị, Trường Trung sáp nhập lại), Phú Ngự (trước là xóm Bến của làng Trương Xá), Nam Huân, Tam Hoà và Tam Thắng (là làng Trương Xá cũ).

Sự phân bố của các dòng họ:

- *Làng Tam Hoà, Tam Thắng* (Trương Xá cũ): hiện nay có các dòng họ Nguyễn, Đỗ, Trương, Phạm, Vũ, Hà và 3 họ Lê, trong đó họ Trương định cư lâu đời nhất (vì thế mới có tên là Trương Xá - nhà họ Trương).

- *Làng Bái Trung*, hiện tại có 15 dòng họ. Dòng họ Nguyễn được coi là tiền nhân đến khai phá vùng đất này dưới thời vua Lê Thánh Tông. Sau này có 10 dòng họ Nguyễn ở nơi khác đến sinh cơ lập nghiệp. Tiếp đến là họ Hoàng, 3 dòng họ Mai, 2 dòng họ Trịnh, Bùi, 2 dòng họ Đỗ, 2 dòng họ Phạm. Làng Bái Trung ngày nay vốn được tích hợp từ các họ: Trần, Hồ, Văn, Lai. Đây là một làng thuần nông của xã Hoà Lộc.

- *Làng Xuân Tiến*: vốn là 3 làng Trường Trung, Yên Hậu, Trường Thị hợp thành từ năm 1954. Hiện tại Xuân Tiến có 30 dòng họ, trong đó 15 dòng họ lớn: 2 họ Trịnh, 4 họ Nguyễn, 2 họ Lê, 2 họ Hoàng, 1 họ Đỗ, 1 họ Vũ, 1 họ Mai, 2 họ Trần. Người đầu tiên đến khai khẩn vùng đất này là ông Ngô An thuộc dòng họ Trịnh. Trước đây 3 làng Trình Trung, Yên Hậu, Trường Thị vừa làm ruộng, vừa làm muối, nhưng hiện nay Xuân Tiến là một làng thuần nông.

- *Làng Hoà Ngự*: Trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Hoà Ngự là một phần của làng Nam Huân cũ, là nơi chung cư lương giáo (có một số dân theo Công giáo). Đây là nơi cư trú của 7 họ: Trương, Phạm, Nguyễn, Đỗ, Lê, Tô, Lữ, trong đó họ Trương có số dân đông nhất, sau đến họ Phạm, Nguyễn, Tô, Đỗ, Lê. Làng có nhà thờ họ đạo Nam Huân. Nghề nghiệp chính là đánh cá.

- *Làng Phú Ngự* (Hoà Phú) vốn là xóm Bến của làng Trương Xá cũ; hiện nay có 70 hộ giáo dân với khoảng 300 nhân khẩu. Làng có 3 họ lớn: Nguyễn, Trương, Đỗ, có nhà thờ họ đạo Trương Xá trực thuộc giáo xứ Đa Phạn (Hải Lộc) được xây dựng từ năm 1932. Nghề nghiệp chính của dân làng là đánh cá trên sông, biển. Làng không có ruộng đất canh tác.

- *Làng Nam Huân*: vốn được tách ra từ làng Trương Xá cũ từ cuối thời Lê. Đến đầu thế kỷ XIX, thôn Nam Huân có tên là Nam Hoa. Đây là một làng nông nghiệp với 20,65 héc ta ruộng, 78 hộ; là nơi cư trú của 3 dòng họ Trương, Nguyễn, Đỗ... Làng có tục thờ thánh ở đền Thượng và đền Hạ.

*

* *

Qua sơ bộ khảo sát về các dòng họ ở các xã vùng ven biển Hậu Lộc có thể thấy:

- Quá trình khai hoang lấn biển ở đây gắn liền với quá trình tụ cư và phát triển của các dòng họ ở nhiều thời kỳ khác nhau. Vùng đất này là nơi tụ cư của nhiều dòng họ ở nhiều miền quê đến sinh cơ lập nghiệp. Những họ còn gia phả thì có thể tìm hiểu được quê hương gốc, còn nhiều dòng họ không có từ đường, gia phả nên trí nhớ của các cụ già làng cũng không rõ được nguồn gốc bản quán của mình. Trong số các dòng họ ở đây, các họ Nguyễn, Trần, Phạm, Hoàng có nhiều phân chi và có mặt trong hầu hết các làng của 6 xã. Tất cả các làng, xã trong vùng đều có nhiều dòng họ (điển hình như ở xã Hải Lộc, làng Y Bích có 16 dòng họ, làng Lộc Tiên - 18; làng Yên Thịnh xã Hưng Lộc với 115 hộ có 15 dòng họ; xã Ngự Lộc với 2848 hộ có 78 dòng họ). Điều này phản ánh bề dày lịch sử hình thành cũng như tính chất phức tạp của thành phần dân cư trong vùng. Đây là một trong những đặc điểm rất đáng chú ý về mặt xã hội của các xã vùng ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Chú thích

1. Sông Kênh De: chảy theo hướng Bắc - Nam, nối liền sông Lèn với sông Lạch Trường, nhận lũ đổ ra sông Lạch Trường. Đây là đường giao thông thuỷ quan trọng cho tàu thuyền trong tỉnh và ngoài tỉnh.
2. Hanh Cát, Hanh Cù: tên các làng cũ thuộc xã Đa Lộc.
3. Gia phả họ Trần (chữ Hán) ở xã Ngự Lộc.
4. Thần tích Nguyễn Huy Thành thôn Phú Lương, xã Hưng Lộc.
5. Bia dựng ở đền thờ Lê Huy Phúc làng Phú Nhi xã Hưng Lộc.
6. *Lịch sử Thanh Hoá* (Tập II), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1994, tr 147.